

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ A - TỈNH GIA LAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 06/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 11/3/2021

“V/v: ly hôn, nuôi con chung”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ A - TỈNH GIA LAI**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Long Sơn.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trần Thị Kia.
2. Ông Trịnh Duy Phước.

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Hồng Huy – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã A, tỉnh Gia Lai.

Ngày 11 tháng 3 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã A, tỉnh Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số thụ lý số: 231/2020/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 12 năm 2020 về việc “*Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung*”. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 10/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 01 tháng 3 năm 2021 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Anh Ngô Nhật H, sinh năm 1988; Địa chỉ: Thôn 01, xã G, thị xã A, tỉnh Gia Lai. Có mặt.

- *Bị đơn:* Chị Chung Thị T, sinh năm 1986; Địa chỉ: Thôn 01, xã G, thị xã A, tỉnh Gia Lai. Chỗ ở hiện nay: Thôn S1, xã S, thị xã A, tỉnh Gia Lai. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa: Nguyên đơn anh Ngô Nhật H trình bày: Tôi và chị Chung Thị T tự nguyện kết hôn nhau năm 2010 tại UBND xã G, thị xã A, Gia Lai. Tôi và chị T chung sống hạnh phúc đến năm 2020 thì xảy ra mâu thuẫn dẫn đến kinh cãi nhiều lần. Hiện tôi và chị T đã không còn chung sống như vợ chồng từ tháng 02 năm 2020 cho đến nay. Nay tình cảm vợ chồng đã không còn nên tôi yêu cầu Tòa án nhân dân thị xã A giải quyết cho tôi ly hôn với chị T.

Về con chung: Tôi và chị T có con chung là cháu Ngô Huyền C, sinh ngày 26/02/2011 và cháu Ngô Phúc V, sinh ngày 28/5/2017. Trong thời gian tôi và chị T không chung sống thì các cháu ở với tôi, nay tôi yêu cầu trực tiếp nuôi cháu C và cháu V, tôi không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Tôi không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Bị đơn chị Chung Thị T trình bày: Tôi và anh Ngô Nhật H tự nguyện kết

hôn nhau năm 2010 tại UBND xã G, thị xã A, Gia Lai. Tôi và anh H chung sống hạnh phúc đến khoảng năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn dẫn đến kinh cãi nhiều lần, anh H có lần đánh đập tôi. Hiện tình cảm vợ chồng không còn nên tôi đồng ý ly hôn theo yêu cầu anh H.

Về con chung: Tôi và anh H có con chung là cháu Ngô Huyền C, sinh ngày 26/02/2011 và cháu Ngô Phúc V, sinh ngày 28/5/2017, tôi yêu cầu trực tiếp nuôi cháu C và cháu V, không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Tôi không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Tại phiên tòa chị T cho trình bày, nếu không được nuôi con chị vẫn tự nguyện cấp dưỡng nuôi cháu Ngô Phúc V, sinh ngày 28/5/2017, theo phương thức hàng quý, mỗi quý 9.000.000đ, thời gian cấp dưỡng từ quý II/2021 khi cháu V chưa thành niên, hoặc đã thành niên nhưng mất năng lực hành vi dân sự hoặc không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, nghe lời trình bày và ý kiến tranh luận của các đương sự tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Nguyên đơn anh Ngô Nhật H yêu cầu ly hôn với chị Chung Thị T; Địa chỉ: Thôn 01, xã G, thị xã A, tỉnh Gia Lai. Chỗ ở hiện nay: Thôn An Thượng 3, xã S, thị xã A, tỉnh Gia Lai. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự (sau đây ghi tắt là BLTTDS), thì đây là vụ án về “Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung”, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã A, tỉnh Gia Lai.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Anh H và chị T tự nguyện kết hôn và có đăng ký kết hôn theo đúng quy định của pháp luật nên là hôn nhân hợp pháp. Trong quá trình chung sống anh H, chị T có mâu thuẫn, nguyên nhân theo anh H là do hai người sống không hợp nhau, mâu thuẫn hai vợ chồng gay gắt nên anh H và chị T đã không còn chung sống như vợ chồng từ tháng 02 năm 2020 cho đến nay không ai quan tâm đến cuộc sống của ai, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Điều này cũng đã được chị T thừa nhận.

Hội đồng xét xử xét thấy: Tình trạng hôn nhân giữa anh H, chị T như vậy là trầm trọng, nên anh H yêu cầu xin ly hôn với chị T và cũng được chị T đồng ý, nên việc cho ly hôn là có cơ sở theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân gia đình nên cần chấp nhận.

[3] Về con chung: anh H và chị T có 02 con chung là cháu Ngô Huyền C, sinh ngày 26/02/2011 và cháu Ngô Phúc V, sinh ngày 28/5/2017. Anh H và chị T đều có nguyện vọng nuôi con chung.

Hội đồng xét xử xét thấy: Việc anh H và chị T đều xin nuôi con, đây là nguyện vọng chính đáng. Tuy nhiên, xét về điều kiện nuôi con nhận thấy: trong thời gian anh H và chị T không chung sống thì cháu C cháu V ở với anh H, anh H trực tiếp nuôi dưỡng và cho các cháu ăn học. Nay anh H và chị T đồng ý ly hôn, trong bản tự khai cháu Thụy có nguyện vọng được ở với anh H. Anh H có

nhà ở, có sức khỏe và công việc có thu nhập ổn định; còn chị T thừa nhận chị mới học nghề xong, chưa có nhà ở (hiện tại ở nhà nhà cha mẹ chị), việc làm, thu nhập không ổn định; điều kiện của chị T như vậy là chưa đảm bảo nuôi con, nên không thể giao con cho chị T nuôi như chị T yêu cầu. Cần thiết giao cho anh H nuôi cả 02 con chung là cháu C và cháu V, có như thế mới đảm bảo điều kiện sống tốt hơn cho cháu V, cháu C và cũng phù hợp với nguyện vọng của cháu C.

- Về cấp dưỡng: Anh H không yêu cầu nhưng chị T tự nguyện cấp dưỡng nuôi cháu Ngô Phúc V sinh ngày 28/5/2017, theo phương thức hàng quý, mỗi quý 9.000.000đ, thời gian cấp dưỡng từ quý II/2021 khi cháu V chưa thành niên, hoặc đã thành niên nhưng mất năng lực hành vi dân sự hoặc không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình. Nên Hội đồng xét xử sẽ ghi nhận sự tự nguyện này của chị T.

[4] Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: anh H và chị T khai không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Nguyên đơn anh Ngô Nhật H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn, bị đơn chị Chung Thị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về việc cấp dưỡng nuôi con.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 235 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 56, Điều 57, 81, 82, 83, 84, 85, 110, 116, 117 của Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Ngô Nhật H:

- *Về hôn nhân*: Cho anh Ngô Nhật H ly hôn với chị Chung Thị T.

- *Về con chung*: Giao cháu Ngô Huyền C, sinh ngày 26/02/2011 và cháu Ngô Phúc V, sinh ngày 28/5/2017 cho anh Ngô Nhật H trực tiếp nuôi dưỡng trong khi cháu C và cháu V chưa thành niên hoặc đã thành niên nhưng mất năng lực hành vi dân sự hoặc không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom con mà không ai được cản trở. Nếu lạm dụng việc thăm nom con cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trọng nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom của người đó.

Sau khi ly hôn, cha, mẹ đều có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con.

- *Về cấp dưỡng nuôi con:* Ghi nhận sự tự nguyện của chị T về việc cấp dưỡng nuôi cháu Ngô Phúc V sinh ngày 28/5/2017, theo phương thức hàng quý, mỗi quý 9.000.000đ, thời gian cấp dưỡng bắt đầu từ quý II/2021 khi cháu V chưa thành niên, hoặc đã thành niên nhưng mất năng lực hành vi dân sự hoặc không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

- *Về án phí:* Anh Ngô Nhật H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn là 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*), được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ, theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0004589 ngày 08 tháng 12 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã A, anh H đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm. Chị T phải chịu án phí về cấp dưỡng nuôi con là 300.000đ, chị T chưa nộp khoản tiền này.

Thời hạn kháng cáo: Trong thời hạn 15 (*mười lăm*) ngày, kể từ ngày tuyên án (11/3/2021), các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo bản án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai giải quyết lại theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Gia Lai
- VKSND TX A;
- Chi cục THADS TX A;
- UBND xã G, Tx A; (để ghi vào sổ hộ tịch);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Lê Long Sơn